KẾT QUẢ THI ĐẤU/ THE RESULT OF STAGE

Chặng 4/Stage 4: Tp. Bảo Lộc - Tp. Đà lạt (Lâm Đồng)

Ngày/Date: 11 tháng 03 năm 2023

Cự ly thi đấu/Distance: 110km.
Thành tích VĐV về đầu/Time: 3:17:58.
Tốc độ trung bình/Average speed: 33.339km/h.

Số VĐV tham dự/No. of riders: .
Số VĐV không xuất phát/DNS: 0.
Số VĐV không về đích/DNF: 27.

I. Cá nhân/Individual:

Hạng Rank	SĐ B.No.	Mã UCI UCI code	Họ và Tên Full name	Mã Đội T.Code	T.Tích Time	Thưởng Bonus	Phạt Penalty	K.Cách Gap
1	**13**	100 111 622 56	Batriya Chaniporn	THA	**3:17:58**	**0:00:12**		
2	**31**	100 459 918 25	Chiu, Sheng-Hsin	TAI	**3:17:58**	**0:00:06**		
3	**12**	100 789 982 95	Somrat Phetdarin	THA	**3:18:24**	**0:00:04**		0:00:26
4	**164**	100 145 378 56	Shoko Kashiki	BWS	**3:18:24**	**0:00:00**		0:00:26
5	**163**	100 498 777 84	Bùi Thị Quỳnh	BWS	**3:19:25**	**0:00:00**		0:01:27
6	**112**	100 498 724 07	Nguyễn Thị Thu Mai	LTG	**3:19:25**	**0:00:00**		0:01:27
7	**154**	100 632 712 62	Lâm Thị Thùy Dương	HCM	**3:19:25**	**0:00:00**		0:01:27
8	**1**	100 148 723 06	Nur Aisyah Binti Mohd Zubir	MAS	**3:19:25**	**0:00:00**		0:01:27
9	**113**	100 111 437 65	Nguyễn Thị Thi	LTG	**3:19:25**	**0:00:03**		0:01:27
10	**161**	100 077 173 42	Đinh Thị Như Quỳnh	BWS	**3:19:25**	**0:00:00**		0:01:27
11	162	100 143 545 66	Trần Thị Tuyết Nương	BWS	**3:19:25**	**0:00:00**		0:01:27
12	111	100 498 765 72	Vũ Thị Kim Lộc	LTG	**3:19:25**	**0:00:00**		0:01:27
13	114	100 498 763 70	Lâm Thị Kim Ngân	LTG	**3:19:25**	**0:00:00**		0:01:27
14	14	100 757 979 05	Thitjan Piyathida	THA	**3:19:25**	**0:00:00**		0:01:27
15	24	101 376 480 34	Clara Patricia	SIP	3:19:29	**0:00:00**		0:01:31
16	3	100 643 815 10	Yeong Zhen Yi	MAS	3:20:21	**0:00:00**		0:02:23
17	62	100 355 539 18	Maritoni Krog	PLP	3:20:49	**0:00:00**		0:02:51
18	165	100 059 319 36	Tsubasa Makise	BWS	3:20:49	**0:00:02**		0:02:51
19	84	100 963 392 69	Thạch Thị Ngọc Thảo	DTL	3:21:03	**0:00:00**		0:03:05
20	81	100 498 820 30	Trần Thị Kim Anh	DTL	3:21:03	**0:00:00**		0:03:05
21	61	100 962 989 54	Kate Yasmin Velasco	PLP	3:21:36	**0:00:00**		0:03:38
22	54	101 173 222 88	De Los Reyes Muau ra Christine	KZO	3:21:52	**0:00:00**		0:03:54
23	63	100 763 763 66	Marianne Dacumos	PLP	3:21:52	**0:00:00**		0:03:54
24	105	100 590 254 90	Lê Thị Nhã Linh	MVT	3:21:55	**0:00:00**		0:03:57
25	103	100 827 130 92	Trần Thu Thảo	MVT	3:21:55	**0:00:00**		0:03:57
26	152	100 548 952 13	Trần Thị Phương Dung	HCM	3:22:47	**0:00:00**		0:04:49
27	153	100 498 786 93	Nguyễn Thị Yến Nhi	HCM	3:22:47	**0:00:00**		0:04:49
28	64	100 105 959 19	Avegail Rombaon	PLP	3:22:47	**0:00:00**		0:04:49
29	2	100 111 509 40	Siti Nur Adibah Akma Binti Mohd Fuad	MAS	3:22:47	**0:00:00**		0:04:49
30	21	100 159 541 57	Luo Yiwei	SIP	3:22:47	**0:00:00**		0:04:49
31	53	101 185 244 82	Sabado Jersie	KZO	3:22:47	**0:00:00**		0:04:49
32	102	100 137 391 23	Cà Thị Thơm	MVT	3:22:47	**0:00:00**		0:04:49
33	22	101 321 357 07	Jennifer Jean Choi	SIP	3:22:12	**0:00:00**		0:04:14
34	52	101 381 214 15	Lebedinskaya Milana	KZO	3:22:12	**0:00:00**		0:04:14
35	33	100 866 002 67	Lei, Ying-Hsiu	TAI	3:23:27	**0:00:00**		0:05:29

36	25	101 285 886 38	Cheong Long Xin (Ruth)	SIP	3:23:27	**0:00:00**		0:05:29
37	155	100 632 697 47	Trần Xuân Thảo	HCM	3:23:27	**0:00:00**		0:05:29
38	101	100 578 512 23	Quàng Thị Soan	MVT	3:23:27	**0:00:00**		0:05:29
39	175	100 957 166 51	Trần Thị Ngọc	GAC	3:23:27	**0:00:00**		0:05:29
40	92	100 963 393 70	Nguyễn Thị Huỳnh Như	YDT	3:23:27	**0:00:00**		0:05:29
41	143	100 549 401 05	Trần Thị Thúy Vân	THP	3:23:27	**0:00:00**		0:05:29
42	122	100 910 672 20	Nguyễn Thị Kim Vàng	GAO	3:23:27	**0:00:00**		0:05:29
43	124	101 108 387 49	Phạm Minh Thư	GAO	3:23:27	**0:00:00**		0:05:29
44	73	101 322 472 55	Lý Thị Lan	LCV	3:23:27	**0:00:00**		0:05:29
45	11	100 056 016 31	Maneephan Jutatip	THA	3:23:41	**0:00:01**		0:05:43
46	32	100 730 249 17	Liu, Wen-Xuan	TAI	3:23:44	**0:00:00**		0:05:46
47	5	100 922 824 47	Nur Fitrah Binti Shaari	MAS	3:23:44	**0:00:00**		0:05:46
48	174	100 632 689 39	Trần Thị Thùy Linh	GAC	3:23:44	**0:00:00**		0:05:46
49	23	101 376 479 33	Seo Boram	SIP	3:23:56	**0:00:00**		0:05:58
50	115	100 498 760 67	Trần Thị Thùy Trang	LTG	3:24:30	**0:00:03**		0:06:32
51	83	100 498 824 34	Phan Thị Kim Ngân	DTL	3:24:30	**0:00:00**		0:06:32
52	131	100 498 931 44	Trần Thị Ngọc Trang	VLP	3:24:30	**0:00:00**		0:06:32
53	91	101 006 461 70	Nguyễn Thị Như Liên	YDT	3:24:30	**0:00:00**		0:06:32
54	171	100 498 836 46	Bùi Thị Huê	GAC	3:24:30	**0:00:00**		0:06:32
55	173	100 549 405 09	Quách Thị Phương Thanh	GAC	3:24:30	**0:00:01**		0:06:32
56	55	100 957 168 53	Thị Bách	KZO	3:26:17	**0:00:00**		0:08:19
57	15	101 015 690 84	Khaoplot Kamonrada	THA	3:26:56	**0:00:00**		0:08:58
58	151	100 548 928 86	Nguyễn Lưu Cẩm Tú	HCM	3:27:05	**0:00:00**		0:09:07
59	45	101 053 107 59	Zhurtybayeva Madina	KAZ	3:27:39	**0:00:00**		0:09:41
60	65	100 965 900 55	Mhay Ann Linda	PLP	3:27:39	**0:00:00**		0:09:41
61	104	101 037 574 46	Đặng Thị Như Ý	MVT	3:28:03	**0:00:00**		0:10:05
62	145	100 827 137 02	Trần Huỳnh Ánh Vân	THP	3:28:03	**0:00:00**		0:10:05
63	134	100 908 372 48	Nguyễn Như Ý	VLP	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	51	101 284 528 38	Ivakhina Galina	KZO	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	123	101 108 386 48	Cao Thị Kim Như	GAO	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	125	101 108 390 52	Phạm Thị Bích Nhung	GAO	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	142	101 222 686 82	Trần Thị Trúc Lan	THP	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	133	100 498 934 47	Hồ Ngọc Lan Phương	VLP	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	43	101 341 177 39	Zaam Evgenia	KAZ	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	144	101 067 781 86	Bùi Thị Ngọc Diễm	THP	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	95	101 380 765 51	Võ Thị Ngọc Thơ	YDT	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	74	101 067 581 80	Giàng Thị Chi	LCV	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	71	100 834 608 04	Hoàng Thị Thấm	LCV	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	132	100 498 932 45	Lê Thị Ngọc Trân	VLP	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	121	101 408 388 50	Nguyễn Thị Diễm Trang	GAO	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	4	100 837 318 95	Anis Natasya Binti Ahmad	MAS	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	34	101 396 753 34	Wu, Hsin-Hua	TAI	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	82	100 498 825 35	Chế Thị Ngọc Lụa	DTL	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	135	100 498 789 86	Lê Thị Huyền	VLP	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	35	101 396 731 12	Chu, Chih-I	TAI	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	172	100 090 210 81	Miho Yoshikawa	GAC	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	75	101 071 302 18	Vũ Thị Mỹ Thường	LCV	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	72	100 928 427 24	Bàn Thị Vang	LCV	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05

63	94	101 380 764 50	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	YDT	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	141	100 968 471 07	Lê Thị Huyền	THP	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	44	100 627 365 50	Khamzina Elvira	KAZ	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	41	101 278 481 05	Udovykina Ekaterina	KAZ	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	42	101 249 969 11	Marchuk Viktoriya	KAZ	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05
63	85	100 887 786 26	Nguyễn Thị Bé Hồng	DTL	3:38:03	**0:00:00**		0:20:05

*** Giải thưởng dọc đường/ Bonus of Sprints:**

I. Sprint 1: Thị trấn Di Linh

Hạng Rank	SĐ B.No.	Mã UCI UCI code	Họ và Tên Full name	Mã Đội T.Code	Thưởng giờ Bonus time	Thưởng điểm Bonus points
1	113	100 111 437 65	Nguyễn Thị Thi	LTG	0:00:03	5
2	165	100 059 319 36	Tsubasa Makise	BWS	0:00:02	3
3	11	100 056 016 31	Maneephan Jutatip	THA	0:00:01	2
4	151	100 548 928 86	Nguyễn Lưu Cẩm Tú	HCM		1

II. Sprint 2: UBND Huyện Đức trọng

Hạng Rank	SĐ B.No.	Mã UCI UCI code	Họ và Tên Full name	Mã Đội T.Code	Thưởng giờ Bonus time	Thưởng điểm Bonus points
1	115	100 498 760 67	Trần Thị Thùy Trang	LTG	0:00:03	5
2	13	100 111 622 56	Batriya Chaniporn	THA	0:00:02	3
3	173	100 549 405 09	Quách Thị Phương Thanh	GAC	0:00:01	2
4	162	100 143 545 66	Trần Thị Tuyết Nương	BWS		1

*** Điểm thưởng đèo Mimosa/Bonus of Mimosa mountain pass:**

Hạng Rank	SĐ B.No.	Mã UCI UCI code	Họ và Tên Full name	Mã Đội T.Code	Thưởng điểm Bonus points
1	13	100 111 622 56	Batriya Chaniporn	THA	20
2	31	100 459 918 25	Chiu, Sheng-Hsin	TAI	16
3	164	100 145 378 56	Shoko Kashiki	BWS	12
4	12	100 789 982 95	Somrat Phetdarin	THA	10
5	162	100 143 545 66	Trần Thị Tuyết Nương	BWS	8
6	1	100 148 723 06	Nur Aisyah Binti Mohd Zubir	MAS	6
7	113	100 111 437 65	Nguyễn Thị Thi	LTG	4
8	114	100 498 763 70	Lâm Thị Kim Ngân	LTG	2
9	14	100 757 979 05	Thitjan Piyathida	THA	1

*** Giải thưởng dọc đường chặng 5/Sprints at the five stage:**

- ***Sprint 1: Kết thúc vòng 3, sau xuất phát 15km***
  Sprint 2: Kết thúc vòng 6, sau xuất phát 30km

***Chú ý/Note:**

-

-

II. Đồng đội/Team:

Hạng Rank	Mã Đội T.Code	Tên đội Team	T.Tích T.Time	T.Hạng T.Place	K.Cách Gap
1	THA	Tuyển Thái Lan	9:55:47	18	
2	BWS	Tuyển Biwase - Bình Dương	9:57:14	19	0:01:27
3	LTG	Công Ty Cp Tập Đoàn Lộc Trời	9:58:15	27	0:02:28
4	MAS	Tuyển Malaysia	10:02:33	53	0:06:46
5	PLP	Philippines Team	10:04:17	61	0:08:30
6	SIP	Singapore Women'S Academy	10:04:28	78	0:08:41
7	HCM	Tuyển Tp. Hcm Vinama	10:04:59	60	0:09:12
8	TAI	Câu Lạc Bộ Fabro - Đài Loan	10:05:09	83	0:09:22
9	DTL	Xổ Số Kiến Thiết Đồng Tháp	10:06:36	90	0:10:49
10	MVT	Quân Khu 7	10:06:37	81	0:10:50
11	KZO	Kzo Cycling (Kazakhstan)	10:06:51	87	0:11:04
12	GAC	Gạch - Phân Bón Con Voi Bình Dương	10:11:41	141	0:15:54
13	GAO	Gạo Hạt Ngọc Trời	10:24:57	148	0:29:10
14	YDT	Xe Đạp Trẻ Đồng Tháp	10:26:00	156	0:30:13
15	THP	Thanh Hóa	10:29:33	166	0:33:46
16	LCV	Vietcombank Lào Cai	10:39:33	170	0:43:46
17	VLP	Tỉnh Vĩnh Long	10:40:36	178	0:44:49
18	KAZ	Kazakhstan Women Junior	10:43:45	185	0:47:58

KẾT QUẢ ÁO TRẮNG SAU 4 CHẶNG

BEST JUNIOR CLASSIFICATION AFTER 4 STAGES

Ngày/Date: 11 tháng 03 năm 2023

Hạng Rank	SĐ B.No.	Mã UCI UCI code	Họ và Tên Full name	Mã Đội T.Code	Tổng T.Tích Total time	T.Hạng Total PL	K.Cách Gap
1	154	100 632 712 62	Lâm Thị Thùy Dương	HCM	12:20:54	58	
2	3	100 643 815 10	Yeong Zhen Yi	MAS	12:27:00	59	0:06:06
3	84	100 963 392 69	Thạch Thị Ngọc Thảo	DTL	12:29:40	88	0:08:46
4	105	100 590 254 90	Lê Thị Nhã Linh	MVT	12:30:34	131	0:09:40
1	103	100 827 130 92	Trần Thu Thảo	MVT	12:30:34	135	0:09:40
2	155	100 632 697 47	Trần Xuân Thảo	HCM	12:32:03	88	0:11:09
3	174	100 632 689 39	Trần Thị Thùy Linh	GAC	12:32:23	158	0:11:29
4	175	100 957 166 51	Trần Thị Ngọc	GAC	12:32:23	168	0:11:29
5	143	100 549 401 05	Trần Thị Thúy Vân	THP	12:32:23	208	0:11:29
6	173	100 549 405 09	Quách Thị Phương Thanh	GAC	12:33:08	185	0:12:14
7	83	100 498 824 34	Phan Thị Kim Ngân	DTL	12:33:09	211	0:12:15
8	145	100 827 137 02	Trần Huỳnh Ánh Vân	THP	12:36:59	163	0:16:05
9	122	100 910 672 20	Nguyễn Thị Kim Vàng	GAO	12:42:23	176	0:21:29
10	124	101 108 387 49	Phạm Minh Thư	GAO	12:42:23	196	0:21:29
11	92	100 963 393 70	Nguyễn Thị Huỳnh Như	YDT	12:42:23	202	0:21:29
12	5	100 922 824 47	Nur Fitrah Binti Shaari	MAS	12:42:40	126	0:21:46
13	55	100 957 168 53	Thị Bách	KZO	12:45:12	187	0:24:18
14	45	101 053 107 59	Zhurtybayeva Madina	KAZ	12:46:35	135	0:25:41
15	104	101 037 574 46	Đặng Thị Như Ý	MVT	12:46:59	205	0:26:05
16	43	101 341 177 39	Zaam Evgenia	KAZ	12:56:59	142	0:36:05
17	4	100 837 318 95	Anis Natasya Binti Ahmad	MAS	12:56:59	169	0:36:05
18	41	101 278 481 05	Udovykina Ekaterina	KAZ	12:56:59	176	0:36:05
19	34	101 396 753 34	Wu, Hsin-Hua	TAI	12:56:59	179	0:36:05
20	85	100 887 786 26	Nguyễn Thị Bé Hồng	DTL	12:56:59	208	0:36:05
21	125	101 108 390 52	Phạm Thị Bích Nhung	GAO	12:56:59	210	0:36:05
22	141	100 968 471 07	Lê Thị Huyền	THP	12:56:59	219	0:36:05
23	72	100 928 427 24	Bàn Thị Vang	LCV	12:56:59	231	0:36:05
24	144	101 067 781 86	Bùi Thị Ngọc Diễm	THP	12:56:59	234	0:36:05
25	121	101 408 388 50	Nguyễn Thị Diễm Trang	GAO	12:56:59	243	0:36:05
26	94	101 380 764 50	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	YDT	12:56:59	247	0:36:05
27	134	100 908 372 48	Nguyễn Như Ý	VLP	12:56:59	251	0:36:05
28	73	101 322 472 55	Lý Thị Lan	LCV	12:42:23	235	0:21:29
29	62	100 355 539 18	Maritoni Krog	PLP	12:41:51	173	0:20:57
30	74	101 067 581 80	Giàng Thị Chi	LCV	13:09:21	271	0:48:27
31	71	100 834 608 04	Hoàng Thị Thấm	LCV	13:09:36	278	0:48:42
32	142	101 222 686 82	Trần Thị Trúc Lan	THP	13:09:36	280	0:48:42
33	51	101 284 528 38	Ivakhina Galina	KZO	13:09:50	226	0:48:56
34	52	101 381 214 15	Lebedinskaya Milana	KZO	12:53:59	205	0:33:05
35	75	101 071 302 18	Vũ Thị Mỹ Thường	LCV	13:09:50	267	0:48:56

ĐIỂM ÁO XANH SAU 4 CHẶNG
BEST SPRINTER CLASSIFICATION AFTER 4 STAGES
Ngày/Date: 11 tháng 03 năm 2023

Hạng Rank	SĐ B.No.	Mã UCI UCI code	Họ và Tên Full name	Mã Đội T.Code	Thưởng Sprint Bonus SP	Thưởng đích Bonus ST	Tổng điểm Total B.
1	11	100 056 016 31	Maneephan Jutatip	THA	7	30	37
2	112	100 498 724 07	Nguyễn Thị Thu Mai	LTG	3	33	36
3	1	100 148 723 06	Nur Aisyah Binti Mohd Zubir	MAS	5	26	31
4	163	100 498 777 84	Bùi Thị Quỳnh	BWS	4	23	27
5	113	100 111 437 65	Nguyễn Thị Thi	LTG	5	21	26
6	12	100 789 982 95	Somrat Phetdarin	THA	0	25	25
7	13	100 111 622 56	Batriya Chaniporn	THA	3	21	24
8	164	100 145 378 56	Shoko Kashiki	BWS	0	20	20
9	151	100 548 928 86	Nguyễn Lưu Cẩm Tú	HCM	7	7	14
10	154	100 632 712 62	Lâm Thị Thùy Dương	HCM	5	8	13
11	115	100 498 760 67	Trần Thị Thùy Trang	LTG	5	7	12
12	31	100 459 918 25	Chiu, Sheng-Hsin	TAI	0	12	12
13	153	100 498 786 93	Nguyễn Thị Yến Nhi	HCM	11	0	11
14	5	100 922 824 47	Nur Fitrah Binti Shaari	MAS	0	8	8
15	171	100 498 836 46	Bùi Thị Huê	GAC	7	0	7
16	165	100 059 319 36	Tsubasa Makise	BWS	3	3	6
17	135	100 498 789 86	Lê Thị Huyền	VLP	5	0	5
18	152	100 548 952 13	Trần Thị Phương Dung	HCM	0	5	5
19	54	101 173 222 88	De Los Reyes Muau ra Christine	KZO	5	0	5
20	45	101 053 107 59	Zhurtybayeva Madina	KAZ	0	4	4
21	61	100 962 989 54	Kate Yasmin Velasco	PLP	0	3	3
22	84	100 963 392 69	Thạch Thị Ngọc Thảo	DTL	3	0	3
23	155	100 632 697 47	Trần Xuân Thảo	HCM	1	2	3
24	161	100 077 173 42	Đinh Thị Như Quỳnh	BWS	0	3	3
25	3	100 643 815 10	Yeong Zhen Yi	MAS	0	2	2
26	55	100 957 168 53	Thị Bách	KZO	2	0	2
27	173	100 549 405 09	Quách Thị Phương Thanh	GAC	2	0	2
28	63	100 763 763 66	Marianne Dacumos	PLP	0	1	1
29	145	100 827 137 02	Trần Huỳnh Ánh Vân	THP	1	0	1
30	172	100 090 210 81	Miho Yoshikawa	GAC	1	0	1
31	122	100 910 672 20	Nguyễn Thị Kim Vàng	GAO	1	0	1
32	175	100 957 166 51	Trần Thị Ngọc	GAC	1	0	1
33	162	100 143 545 66	Trần Thị Tuyết Nương	BWS	1	0	1

GIẢI XE ĐẠP NỮ BÌNH DƯƠNG - CÚP BIWASE
LẦN THỨ XIII -NĂM 2023

ĐIỂM NỮ HOÀNG ÁO ĐỎ SAU 4 CHẶNG
BEST QUEEN OF MOUNTAIN CLASSIFICATION AFTER 4 STAGES
Ngày/Date: 11 tháng 03 năm 2023

Hạng Rank	SĐ B.No.	Mã UCI UCI code	Họ và Tên Full name	Mã Đội T.Code	Tổng điểm Total B.
1	12	100 789 982 95	Somrat Phetdarin	THA	40
2	164	100 145 378 56	Shoko Kashiki	BWS	37
3	13	100 111 622 56	Batriya Chaniporn	THA	21
4	112	100 498 724 07	Nguyễn Thị Thu Mai	LTG	20
5	113	100 111 437 65	Nguyễn Thị Thi	LTG	17
6	161	100 077 173 42	Đinh Thị Như Quỳnh	BWS	16
7	1	100 148 723 06	Nur Aisyah Binti Mohd Zubir	MAS	16
8	31	100 459 918 25	Chiu, Sheng-Hsin	TAI	16
9	162	100 143 545 66	Trần Thị Tuyết Nương	BWS	8
10	163	100 498 777 84	Bùi Thị Quỳnh	BWS	7
11	111	100 498 765 72	Vũ Thị Kim Lộc	LTG	5
12	54	101 173 222 88	De Los Reyes Muau ra Christine	KZO	5
13	171	100 498 836 46	Bùi Thị Huê	GAC	3
14	165	100 059 319 36	Tsubasa Makise	BWS	2
15	81	100 498 820 30	Trần Thị Kim Anh	DTL	2
16	114	100 498 763 70	Lâm Thị Kim Ngân	LTG	2
17	14	100 757 979 05	Thitjan Piyathida	THA	1

TỔNG SẮP SAU 4 CHẶNG
GENERAL CLASSIFICATION AFTER 4 STAGES
Ngày/Date: 11 tháng 03 năm 2023

I. Cá nhân/ Individual:

Hạng Rank	SĐ B.No.	Mã UCI UCI code	Họ và Tên Full name	Mã Đội T.Code	Tổng thành tích Total time	T.Hạng Total PL	Khoảng cách Gap
1	13	100 111 622 56	Batriya Chaniporn	THA	12:19:15	46	
2	12	100 789 982 95	Somrat Phetdarin	THA	12:19:33	144	0:00:18
3	164	100 145 378 56	Shoko Kashiki	BWS	12:19:41	116	0:00:26
4	112	100 498 724 07	Nguyễn Thị Thu Mai	LTG	12:20:42	16	0:01:27
5	163	100 498 777 84	Bùi Thị Quỳnh	BWS	12:20:46	54	0:01:31
6	1	100 148 723 06	Nur Aisyah Binti Mohd Zubir	MAS	12:20:47	21	0:01:32
7	113	100 111 437 65	Nguyễn Thị Thi	LTG	12:20:50	26	0:01:35
8	154	100 632 712 62	Lâm Thị Thùy Dương	HCM	12:20:54	58	0:01:39
9	111	100 498 765 72	Vũ Thị Kim Lộc	LTG	12:20:57	92	0:01:42
10	161	100 077 173 42	Đinh Thị Như Quỳnh	BWS	12:20:57	120	0:01:42
11	165	100 059 319 36	Tsubasa Makise	BWS	12:22:19	141	0:03:04
12	114	100 498 763 70	Lâm Thị Kim Ngân	LTG	12:25:58	121	0:06:43
13	162	100 143 545 66	Trần Thị Tuyết Nương	BWS	12:26:04	97	0:06:49
14	14	100 757 979 05	Thitjan Piyathida	THA	12:26:04	146	0:06:49
15	3	100 643 815 10	Yeong Zhen Yi	MAS	12:27:00	59	0:07:45
16	81	100 498 820 30	Trần Thị Kim Anh	DTL	12:27:42	84	0:08:27
17	63	100 763 763 66	Marianne Dacumos	PLP	12:28:31	91	0:09:16
18	31	100 459 918 25	Chiu, Sheng-Hsin	TAI	12:29:22	163	0:10:07
19	21	100 159 541 57	Luo Yiwei	SIP	12:29:26	108	0:10:11
20	102	100 137 391 23	Cà Thị Thơm	MVT	12:29:26	148	0:10:11
21	84	100 963 392 69	Thạch Thị Ngọc Thảo	DTL	12:29:40	88	0:10:25
22	61	100 962 989 54	Kate Yasmin Velasco	PLP	12:30:15	76	0:11:00
23	2	100 111 509 40	Siti Nur Adibah Akma Binti Mohd Fuad	MAS	12:30:26	180	0:11:11
24	54	101 173 222 88	De Los Reyes Muau ra Christine	KZO	12:30:28	132	0:11:13
25	105	100 590 254 90	Lê Thị Nhã Linh	MVT	12:30:34	131	0:11:19
26	103	100 827 130 92	Trần Thu Thảo	MVT	12:30:34	135	0:11:19
27	153	100 498 786 93	Nguyễn Thị Yến Nhi	HCM	12:31:19	135	0:12:04
28	152	100 548 952 13	Trần Thị Phương Dung	HCM	12:31:23	94	0:12:08
29	64	100 105 959 19	Avegail Rombaon	PLP	12:31:26	99	0:12:11
30	53	101 185 244 82	Sabado Jersie	KZO	12:31:26	204	0:12:11
31	11	100 056 016 31	Maneephan Jutatip	THA	12:31:53	69	0:12:38
32	155	100 632 697 47	Trần Xuân Thảo	HCM	12:32:03	88	0:12:48
33	33	100 866 002 67	Lei, Ying-Hsiu	TAI	12:32:23	126	0:13:08
34	174	100 632 689 39	Trần Thị Thùy Linh	GAC	12:32:23	158	0:13:08
35	175	100 957 166 51	Trần Thị Ngọc	GAC	12:32:23	168	0:13:08
36	143	100 549 401 05	Trần Thị Thúy Vân	THP	12:32:23	208	0:13:08
37	25	101 285 886 38	Cheong Long Xin (Ruth)	SIP	12:32:28	222	0:13:13
38	115	100 498 760 67	Trần Thị Thùy Trang	LTG	12:33:06	90	0:13:51
39	173	100 549 405 09	Quách Thị Phương Thanh	GAC	12:33:08	185	0:13:53

40	83	100 498 824 34	Phan Thị Kim Ngân	DTL	12:33:09	211	0:13:54
41	101	100 578 512 23	Quàng Thị Soan	MVT	12:34:28	194	0:15:13
42	15	101 015 690 84	Khaoplot Kamonrada	THA	12:35:45	242	0:16:30
43	145	100 827 137 02	Trần Huỳnh Ánh Vân	THP	12:36:59	163	0:17:44
44	24	101 376 480 34	Clara Patricia	SIP	12:38:30	155	0:19:15
45	22	101 321 357 07	Jennifer Jean Choi	SIP	12:41:08	227	0:21:53
46	62	100 355 539 18	Maritoni Krog	PLP	12:41:51	173	0:22:36
47	122	100 910 672 20	Nguyễn Thị Kim Vàng	GAO	12:42:23	176	0:23:08
48	124	101 108 387 49	Phạm Minh Thư	GAO	12:42:23	196	0:23:08
49	92	100 963 393 70	Nguyễn Thị Huỳnh Như	YDT	12:42:23	202	0:23:08
50	73	101 322 472 55	Lý Thị Lan	LCV	12:42:23	235	0:23:08
51	5	100 922 824 47	Nur Fitrah Binti Shaari	MAS	12:42:40	126	0:23:25
52	32	100 730 249 17	Liu, Wen-Xuan	TAI	12:42:40	199	0:23:25
53	23	101 376 479 33	Seo Boram	SIP	12:42:52	183	0:23:37
54	171	100 498 836 46	Bùi Thị Huê	GAC	12:43:22	217	0:24:07
55	131	100 498 931 44	Trần Thị Ngọc Trang	VLP	12:43:26	167	0:24:11
56	91	101 006 461 70	Nguyễn Thị Như Liên	YDT	12:43:26	245	0:24:11
57	55	100 957 168 53	Thị Bách	KZO	12:45:12	187	0:25:57
58	151	100 548 928 86	Nguyễn Lưu Cẩm Tú	HCM	12:45:58	121	0:26:43
59	45	101 053 107 59	Zhurtybayeva Madina	KAZ	12:46:35	135	0:27:20
60	65	100 965 900 55	Mhay Ann Linda	PLP	12:46:35	167	0:27:20
61	42	101 249 969 11	Marchuk Viktoriya	KAZ	12:46:42	200	0:27:27
62	104	101 037 574 46	Đặng Thị Như Ý	MVT	12:46:59	205	0:27:44
63	133	100 498 934 47	Hồ Ngọc Lan Phương	VLP	12:47:14	262	0:27:59
64	132	100 498 932 45	Lê Thị Ngọc Trân	VLP	12:47:14	264	0:27:59
65	52	101 381 214 15	Lebedinskaya Milana	KZO	12:53:59	205	0:34:44
66	135	100 498 789 86	Lê Thị Huyền	VLP	12:56:56	201	0:37:41
67	172	100 090 210 81	Miho Yoshikawa	GAC	12:56:59	140	0:37:44
68	43	101 341 177 39	Zaam Evgenia	KAZ	12:56:59	142	0:37:44
69	4	100 837 318 95	Anis Natasya Binti Ahmad	MAS	12:56:59	169	0:37:44
70	41	101 278 481 05	Udovykina Ekaterina	KAZ	12:56:59	176	0:37:44
71	34	101 396 753 34	Wu, Hsin-Hua	TAI	12:56:59	179	0:37:44
72	82	100 498 825 35	Chế Thị Ngọc Lụa	DTL	12:56:59	194	0:37:44
73	85	100 887 786 26	Nguyễn Thị Bé Hồng	DTL	12:56:59	208	0:37:44
74	125	101 108 390 52	Phạm Thị Bích Nhung	GAO	12:56:59	210	0:37:44
75	35	101 396 731 12	Chu, Chih-I	TAI	12:56:59	216	0:37:44
76	141	100 968 471 07	Lê Thị Huyền	THP	12:56:59	219	0:37:44
77	123	101 108 386 48	Cao Thị Kim Như	GAO	12:56:59	220	0:37:44
78	72	100 928 427 24	Bàn Thị Vang	LCV	12:56:59	231	0:37:44
79	144	101 067 781 86	Bùi Thị Ngọc Diễm	THP	12:56:59	234	0:37:44
80	121	101 408 388 50	Nguyễn Thị Diễm Trang	GAO	12:56:59	243	0:37:44
81	44	100 627 365 50	Khamzina Elvira	KAZ	12:56:59	246	0:37:44
82	94	101 380 764 50	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	YDT	12:56:59	247	0:37:44
83	134	100 908 372 48	Nguyễn Như Ý	VLP	12:56:59	251	0:37:44
84	95	101 380 765 51	Võ Thị Ngọc Thơ	YDT	12:56:59	255	0:37:44
85	74	101 067 581 80	Giàng Thị Chi	LCV	13:09:21	271	0:50:06
86	71	100 834 608 04	Hoàng Thị Thấm	LCV	13:09:36	278	0:50:21
87	142	101 222 686 82	Trần Thị Trúc Lan	THP	13:09:36	280	0:50:21
88	51	101 284 528 38	Ivakhina Galina	KZO	13:09:50	226	0:50:35
89	75	101 071 302 18	Vũ Thị Mỹ Thường	LCV	13:09:50	267	0:50:35

II. Đồng đội/Team:

Hạng Rank	Mã Đội T.Code	Tên đội Team	Tổng thành tích Total time	Tổng hạng Total place	K.Cách Gap
1	BWS	Tuyển Biwase - Bình Dương	37:01:38	214	
2	LTG	Công Ty Cp Tập Đoàn Lộc Trời	37:02:48	80	0:01:10
3	THA	Tuyển Thái Lan	37:05:18	195	0:03:40
4	MAS	Tuyển Malaysia	37:17:20	152	0:15:42
5	HCM	Tuyển Tp. Hcm Vinama	37:23:43	181	0:22:05
6	SIP	Singapore Women'S Academy	37:26:25	404	0:24:47
7	PLP	Philippines Team	37:28:14	249	0:26:36
8	DTL	Xổ Số Kiến Thiết Đồng Tháp	37:30:33	307	0:28:55
9	MVT	Quân Khu 7	37:30:34	386	0:28:56
10	GAC	Gạch - Phân Bón Con Voi Bình Dương	37:37:55	436	0:36:17
11	TAI	Câu Lạc Bộ Fabro - Đài Loan	37:41:40	375	0:40:02
12	KZO	Kzo Cycling (Kazakhstan)	37:43:05	434	0:41:27
13	THP	Thanh Hóa	38:06:21	570	1:04:43
14	VLP	Tỉnh Vĩnh Long	38:17:24	608	1:15:46
15	GAO	Gạo Hạt Ngọc Trời	38:21:45	571	1:20:07
16	YDT	Xe Đạp Trẻ Đồng Tháp	38:22:48	690	1:21:10
17	KAZ	Kazakhstan Women Junior	38:30:16	437	1:28:38
18	LCV	Vietcombank Lào Cai	38:36:21	720	1:34:43

**VĐV áo trắng sau 4 chặng/Best junior (W.Jersey) after 4 stages: 154 - Lâm Thị Thùy Dương - HCM.*

**Nữ Hoàng vượt núi sau 4 chặng/The Best Queen of mountain after 4 stages: 12 - Somrat Phetdarin - THA.*

**VĐV áo xanh sau 4 chặng/Best sprinter (G.Jersey) after 4 stages: 11 - Maneephan Jutatip - THA.*

**VĐV áo vàng sau 4 chặng/Best winner (Y.Jersey) after 4 stages: 13 - Batriya Chaniporn - THA.*

Tp.Đà lạt, ngày 11 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG BAN ĐIỀU HÀNH

TM.BAN TRỌNG TÀI/GENERAL COMMISSAIR

Nguyễn Thu Kiệt